

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 80/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bạch.

- Bà Lê Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Minh C**, sinh năm 1984; cư trú tại: Số A, đường LVL, Ấp A, xã NĐ, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Minh C trình bày: Chị và anh T kết hôn vào ngày 02-11-2006 tại Ủy ban nhân dân phường TTĐ, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có quen biết, tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn, chị về sinh sống với anh T ở Ấp A, xã L, huyện C. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Đầu năm 2009 thì chị về nhà cha mẹ ruột ở

Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho đến nay. Sau đó một thời gian, chị về nhà cha mẹ chồng thì phát hiện anh T có vợ khác, khi đó con anh T và vợ sau đã 03 tuổi. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Trường N, sinh ngày 14-9-2006 và Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 29-10-2008. Hiện hai cháu đang sống với chị C, chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu. Chị yêu cầu mỗi tháng 2.000.000 đồng vì hiện mức nuôi con tăng lên và anh T vẫn có việc làm, đủ khả năng cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh thống nhất thời điểm kết hôn và các tình tiết như chị C nêu. Nay anh đồng ý ly hôn và giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu. Vì hiện nay anh làm vườn và làm công ty cơ khí nhưng đến cuối năm 2019 anh sẽ nghỉ về nuôi dưỡng cha mẹ già nên không có điều kiện để cấp dưỡng theo mức 2.000.000 đồng/tháng/cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T, yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu. Anh Nguyễn Thanh T đồng ý ly hôn và giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu xin ly hôn, người trực tiếp nuôi con hai bên đã thỏa thuận được nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Minh C và anh Nguyễn Thanh T tranh chấp về ly hôn; anh T cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Minh C và anh Nguyễn Thanh T là hợp pháp, vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân phường TTĐ, Quận C, Thành phố

Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyển số 1 ngày 02-11-2006. Trong thời kỳ hôn nhân với chị C, anh T lại tiếp tục chung sống và đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu H, nhưng đã được Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy tuyên bố hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh T và chị H theo Quyết định số 21/2019/QĐST-DS ngày 14-6-2019, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Nay chị C, anh T thỏa thuận thống nhất ly hôn là tự nguyện, không ai bị ép buộc là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Giữa chị C, anh T cũng thống nhất thỏa thuận giao hai con chung là cháu N Trường N và Nguyễn Ngọc Thiên K cho chị C là người trực tiếp nuôi con. Hiện hai cháu đang do chị C nuôi dưỡng và đều có nguyện vọng được sống với mẹ, nên xét sự thỏa thuận giữa chị C, anh T là phù hợp quy định của pháp luật và nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C là người trực tiếp nuôi con nên yêu cầu phía anh T phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, chị C yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng (02 cháu là 4.000.000 đồng). Phía anh T cho rằng hiện nay làm vườn và làm cho công ty cơ khí tại Thành phố Hồ Chí Minh có mức lương khoảng 8.000.000 đến 9.000.000 đồng nên không có khả năng, và anh còn phải cấp dưỡng nuôi con đối với 02 con chung của vợ sau nên chỉ đồng ý mức 1.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy mức yêu cầu mà chị C nêu là phù hợp, vì hiện hai con chung của chị C đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, nơi có mức sống cao hơn các thành phố, địa phương khác nên xét yêu cầu của chị C là hợp lý. Anh T cho rằng hiện thu nhập của anh còn phải lo cho cha mẹ và anh chuẩn bị nghỉ việc để về chăm sóc cha mẹ nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Hơn nữa, anh cho rằng mức yêu cầu cấp dưỡng mà chị C nêu là cao nhưng bản thân anh không biết được mỗi tháng chi phí bỏ ra để nuôi hai con của anh bao nhiêu nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị C, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị C mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh C là nguyên đơn khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí; anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Minh C và anh Nguyễn Thanh T. Chị Nguyễn Thị Minh C được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Minh C và anh Nguyễn Thanh T. Giao cháu N Trường N, sinh ngày 14-9-2006 và Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 29-10-2008 cho chị Nguyễn Thị Minh C là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Buộc anh Nguyễn Thanh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị C mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng/cháu (4.000.000 đồng/02 cháu). Cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N, cháu K đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Minh C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16569 ngày 02-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như chị C đã thi hành xong.

Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND phường TTĐ, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thực